

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA XVII
thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị
“về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng
Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”

Quán triệt Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây viết tắt là *Nghị quyết 26-NQ/TW*), Hội nghị lần thứ 11, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Trị khóa XVII họp ngày 21/3/2023 đã thảo luận và thống nhất ban hành Chương trình hành động thực hiện với những nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH

Sau gần 20 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị khóa IX và Kết luận số 25-KL/TW ngày 02/8/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về phát triển kinh tế - xã hội vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ (sau đây viết tắt là *Vùng*); tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị đã có bước phát triển mới.

Quy mô, tốc độ tăng trưởng kinh tế, tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng trưởng ở mức độ khá¹. Hạ tầng kỹ thuật được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển. Hệ thống đô thị mới trên địa bàn tỉnh được phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tỉnh đã thành lập 02 khu kinh tế, 05 khu công nghiệp và 17 cụm công nghiệp; trong đó, Khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo nằm trên tuyến giao thông huyết mạch thuộc Hành lang kinh tế Đông - Tây, kết nối thuận lợi với các trung tâm kinh tế trong khu vực; Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị là khu kinh tế biển đa ngành, điểm đột phá của tỉnh Quảng Trị, là cực phát triển của vùng Trung bộ, trung tâm lớn về công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, sản xuất vật liệu xây

¹GRDP (giá so sánh năm 2010) tăng gấp 3,8 lần, từ 5.957,6 tỉ đồng năm 2004 lên 22.665,614 tỉ đồng năm 2022. Tốc độ tăng trưởng: bình quân giai đoạn 2005-2020 đạt 7,3%/năm; năm 2021 đạt 6,5%, năm 2022 đạt 7,17%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2022 đạt 27.115 tỉ đồng, gấp 22 lần so với năm 2004 (năm 2021 đạt 28.668 tỉ đồng, lập kỷ lục từ trước đến nay).

dựng, điện năng, du lịch, thương mại dịch vụ và cảng biển nước sâu của vùng Trung bộ, là một trong những trung tâm giao thương của khu vực ASEAN và Châu Á - Thái Bình Dương, phát triển kinh tế gắn với quốc phòng, an ninh.

Hệ thống đường bộ được tập trung đầu tư, nổi bật là đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, nhánh Tây, mở rộng quốc lộ 1A, quốc lộ 9, đường về cảng Cửa Việt, tuyến cao tốc Cam Lộ - La Sơn - Túy Loan, bê tông hóa hệ thống đường giao thông nông thôn... Hệ thống công trình thủy lợi kết hợp thủy điện hình thành, đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân, ứng phó với biến đổi khí hậu. Khu kinh tế quốc phòng Khe Sanh được quan tâm đầu tư xây dựng. Ngành công nghiệp bước đầu khai thác được thế mạnh của địa phương, góp phần giải quyết việc làm như công nghiệp năng lượng, chế biến gỗ, dệt may... Ngành nông nghiệp áp dụng nhiều tiến bộ mới về khoa học công nghệ, hình thành một số vùng chuyên canh công nghệ cao, định hướng sản xuất mang tính hàng hóa.

Các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai tích cực². Nhiều thiết chế văn hóa, thể thao, thông tin truyền thông phát triển rộng khắp; các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể được bảo tồn, phát huy. Công tác giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, thực hiện chế độ chính sách, bảo đảm an sinh xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo đạt nhiều kết quả. Công tác đối ngoại gắn với xúc tiến đầu tư, hợp tác phát triển được tích cực thực hiện. Cải cách hành chính được chú trọng, thực hiện thường xuyên. Hệ thống chính trị, công tác xây dựng Đảng được tăng cường, phát huy khối đại đoàn kết dân tộc. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

Tuy nhiên, kết quả thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 16/8/2004 của Bộ Chính trị còn có những hạn chế: Quy mô nền kinh tế của tỉnh nhỏ, sức cạnh tranh thấp, nhiều dự án đã đăng ký đầu tư nhưng chậm triển khai. Việc thu hút nguồn vốn FDI chưa nhiều. Tiềm năng của các ngành thương mại, du lịch chưa được khai thác hiệu quả. Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị và Khu Kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo, các khu công nghiệp chưa được đầu tư phát triển và chưa khai thác hết tiềm năng. Hạ tầng phát triển chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng giao

² Gồm 03 chương trình: xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

- Đến cuối năm 2022, toàn tỉnh có 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (huyện cam Lộ đã được công nhận), 69/101 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 68,3%), 07/101 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đạt 6,9%);
- Mức giảm tỉ lệ hộ nghèo bình quân giai đoạn 2011 - 2020 là 2,18%/năm;
- Vùng đồng bào dân tộc, thiểu số có diện tích 313.675 ha, 44 xã, thị trấn thuộc 02 huyện miền núi và các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ. Thu nhập bình quân đầu người năm 2021 ước đạt 22,5 triệu đồng, tăng 1,2 lần so với năm 2017 (18,5 triệu đồng). Toàn vùng có 100% xã, thôn bản có điện lưới quốc gia; 98,7% hộ sử dụng điện; 100% xã được phủ sóng truyền hình; 100% xã có đường giao thông đến trung tâm xã được cứng hóa; 100% xã có trạm y tế đạt chuẩn quốc gia; 100% số xã có trường tiểu học.

thông. Mật độ dân cư đô thị còn thấp. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao còn thiếu. Kết quả giảm nghèo chưa bền vững; chất lượng dịch vụ y tế có mặt chưa đáp ứng nhu cầu của Nhân dân; chất lượng giáo dục giữa các vùng chưa đồng đều; nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

Công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường còn một số bất cập; nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa xây dựng được hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông, tệ nạn ma túy... tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp. Việc liên kết phát triển Vùng với các tỉnh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ còn hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế là: Tích lũy từ nội bộ nền kinh tế của tỉnh còn thấp, nguồn đầu tư công của Trung ương bố trí cho tỉnh giảm; cơ chế, chính sách thay đổi dẫn đến hoạt động của khu kinh tế cửa khẩu không hiệu quả; đầu tư và thu hút đầu tư vào các khu kinh tế còn hạn chế. Cạnh tranh trong thu hút đầu tư ngày càng gay gắt, điều kiện đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh (chất lượng nguồn nhân lực, mặt bằng, dịch vụ tiện ích,...) chưa được cải thiện nhiều; sức hấp dẫn trong thu hút đầu tư còn thấp so với nhiều tỉnh trong khu vực. Còn thiếu các chính sách đặc thù để phát triển các khu kinh tế. Điều kiện tự nhiên, khí hậu, khoảng cách địa lý, chuyên môn hóa sản xuất của tỉnh Quảng Trị và các tỉnh trong Vùng chưa cao; vùng nguyên liệu còn manh mún, gây khó khăn trong liên kết, hợp tác. Năng lực đội ngũ cán bộ của tỉnh có mặt còn hạn chế. Chưa phát huy được các tiềm năng, lợi thế của tỉnh trong quá trình hội nhập.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm chỉ đạo

- Bám sát Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022, phát huy ưu thế điểm đầu qua Việt Nam trên hành lang kinh tế Đông - Tây để xây dựng Quảng Trị thành trung tâm Logistics của Vùng, kết nối giao thương hàng hóa toàn Vùng ra khu vực, thế giới và ngược lại thông qua tuyến Quốc lộ 9 và tuyến đường 15D kết nối cảng Mỹ Thủy đến cửa khẩu quốc tế La Lay, cửa khẩu quốc tế Lao Bảo.

- Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Trị phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; định hướng phát triển trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; phát triển kinh tế - xã hội trên nền tảng khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh; phát huy sức mạnh nội lực, tranh thủ ngoại lực và chủ động nắm bắt thời cơ; khơi dậy ý chí, khát vọng phát triển, phát huy sức mạnh về truyền thống văn hóa, lịch sử và phẩm chất con người Quảng Trị.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động bền vững, hiệu quả, phát triển kinh tế biển; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; tạo môi trường thuận lợi để khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế. Ưu tiên đầu tư một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế nổi trội để tạo đột phá; xây dựng một số vùng kinh tế động lực trở thành cực tăng trưởng thúc đẩy và lan tỏa đối với toàn bộ nền kinh tế của tỉnh. Mở rộng hợp tác kinh tế, kinh tế đối ngoại; tạo mối liên kết phát triển với các tỉnh miền Trung, các nước trên Hành lang kinh tế Đông - Tây.

- Chủ động hội nhập, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, tạo động lực thúc đẩy phát triển toàn diện các ngành, lĩnh vực. Đổi mới giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, quan tâm chăm sóc sức khỏe Nhân dân, gắn với thực hiện tốt công tác giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội.

- Bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử, truyền thống văn hóa; không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội, đô thị hóa gắn với phát triển nông thôn, bảo đảm quốc phòng - an ninh và bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, có tâm huyết, khát vọng xây dựng quê hương phát triển, gắn bó mật thiết với Nhân dân.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Tỉnh Quảng Trị cơ bản là một tỉnh công nghiệp - dịch vụ mạnh về kinh tế cửa khẩu và kinh tế biển; là một trong những trung tâm năng lượng sạch của Vùng; đề xuất cơ chế tiếp nhận và khai thác hiệu quả các mỏ khí ngoài khơi (Báo Vàng, Kèn Bầu...) và có trình độ phát triển thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; phát huy có hiệu quả tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam, cảng biển, sân bay và hệ thống giao thông kết nối; là điểm kết nối và là cửa ngõ ra biển của các nước trên Hành lang kinh tế Đông - Tây, với các tuyến giao thông kết nối như cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo, quốc lộ 15D nối cửa khẩu La Lay - cảng Mỹ Thủy, cảng hàng không Quảng Trị; từng bước hình thành các hành lang kinh tế Lao Bảo - Cam Lộ - Đông Hà - Mỹ Thủy, La Lay - Mỹ Thủy; là nơi các giá trị văn hóa, lịch sử và hệ sinh thái biển, đảo, rừng được bảo tồn và phát huy; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân không ngừng được nâng cao, quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; các tổ chức đảng, hệ thống chính trị vững mạnh, khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường.

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

3.1. Về phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 là 8,2%/năm.
- Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng là 37%; dịch vụ là 47,5%; nông - lâm - thủy sản là 10,5%; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 70,4% GRDP khu vực Công nghiệp;
- GRDP bình quân đầu người đạt 160 triệu đồng/người/năm (giá hiện hành).
- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2020 - 2025 đạt 22.750 tỉ đồng, thu nội địa tăng bình quân hàng năm là 10-12%/năm; giai đoạn 2026-2030 đạt 38.300 tỉ đồng, thu nội địa tăng bình quân hàng năm trên 12%/năm.
- Tỉ trọng kinh tế số trong GRDP chiếm 15%.
- Tỉ lệ đô thị hóa đạt 43-46%.
- Toàn tỉnh có 06 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 85% số xã đạt chuẩn xã nông thôn mới; 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

3.2. Về phát triển xã hội

- Thu nhập bình quân đầu người cao hơn bình quân chung của cả nước.
- Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 36%.
- Tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1 - 1,5%/năm, trong đó tỉ lệ giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số là 3%/năm.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 70%.
- Đạt 37 giường bệnh/vạn dân, 12 bác sĩ/vạn dân.
- Tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 97% dân số.

3.3. Về môi trường

- Tỉ lệ che phủ rừng duy trì mức 49%.
- Có 99% dân số ở thành thị được sử dụng nước sạch và 98% dân số ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh.
- Tỉ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn khoảng 100%.
- Có 100% khu công nghiệp, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 100% cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Quảng Trị có nền kinh tế vững mạnh với cơ cấu chính là công nghiệp - dịch vụ, là một trong những động lực phát triển của vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung. Trở thành một trong những trung tâm năng lượng của Vùng; tham gia tích cực, chủ động vào các hoạt động giao thương, liên kết trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây; là hạt nhân quan trọng trong chuỗi cung ứng thương mại, du lịch, vận tải và logistics giữa Quảng Trị với các nước gồm Lào, Thái Lan, Myanmar và các nước Đông Nam Á, Trung Quốc, Nam Á... Xây dựng các cơ chế, chính sách vượt trội để đưa Quảng Trị sớm trở thành trung tâm trung chuyên hàng hóa quốc tế và khu vực.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh gắn với liên kết, phát triển vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ

Các cấp ủy đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội:

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai quán triệt, tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Nghị quyết 26-NQ/TW và Chương trình hành động này.

- Quán triệt sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân vai trò, vị trí, tầm quan trọng của vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ và liên kết phát triển Vùng; xem liên kết phát triển Vùng là xu thế tất yếu, là động lực kết nối và dẫn dắt sự phát triển của các địa phương trong Vùng.

- Triển khai nghị quyết một cách sáng tạo, tận dụng, khai thác những thế mạnh, tiềm năng của tỉnh trong Vùng, tham gia tích cực và chủ động vào các hoạt động giao thương, liên kết các tỉnh trong Vùng và trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây.

2. Đẩy mạnh phát triển liên kết Vùng

- Chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện Đề án thành lập Trung tâm đào tạo nghề cho toàn bộ khu vực, cung cấp ra thị trường lao động cho toàn Vùng và trên tuyến Hành lang kinh tế Đông - Tây.

- Tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về liên kết Vùng một cách chủ động, sáng tạo. Tích cực phối hợp với các tỉnh trong Vùng để xây dựng, triển khai các quy hoạch quốc gia, quy hoạch Vùng, quy hoạch liên tỉnh; thường xuyên trao đổi thông tin kinh tế - xã hội, phối hợp đề xuất Trung ương xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển Vùng.

- Hoàn thành, triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 với các giải pháp đột phá, mở rộng không gian và nguồn lực cho phát triển; bảo đảm gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm quốc phòng - an ninh, an sinh - xã hội; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử và hệ sinh thái rừng, biển, đảo.

- Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch liên quan; xây dựng các cơ chế, chính sách huy động nguồn lực đầu tư phát triển các hành lang kinh tế ven biển; hành lang kinh tế Bắc - Nam dọc theo Quốc lộ 1; hành lang đường bộ cao tốc; hành lang Đông Tây (các tuyến Đông Hà - Lao Bảo, La Lay - Mỹ Thủy), hành lang Para - EWEC và hành lang biên giới.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp để khuyến khích phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư, khai thác có hiệu quả các tiềm năng về kinh tế biển đảo, du lịch văn hóa - lịch sử, dịch vụ logistics...

- Huy động các nguồn lực đầu tư hệ thống hạ tầng trọng yếu bảo đảm liên kết Vùng, nhất là trong lĩnh vực giao thông, năng lượng, công nghệ thông tin, kinh tế số theo nhiều hình thức khác nhau như: đối tác công tư, xã hội hóa... Tăng cường liên kết với các tỉnh trong Vùng về đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh, nhất là nhân lực về các ngành công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, vận tải. Tiếp tục thực hiện trao đổi, hợp tác đào tạo với các tỉnh bạn Lào theo chủ trương của Trung ương và của tỉnh.

3. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế biển

- Tiếp tục phát triển kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo sự liên kết và phát huy hiệu quả kinh tế hỗn hợp như công nghiệp ven biển, khai thác khí, kinh tế hàng hải, dịch vụ biển, du lịch biển đảo, khai thác thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá và các ngành kinh tế biển khác.

- Phát triển mạnh mẽ công nghiệp theo hướng hiện đại, tham gia chuỗi giá trị sản xuất của khu vực và quốc tế. Khai thác tiềm năng thế mạnh của tỉnh như công nghiệp năng lượng, nhất là năng lượng sạch (điện mặt trời; điện gió, điện khí, LNG, Hidro xanh...); tích cực chuẩn bị các điều kiện để tiếp nhận và thúc đẩy quá trình khai thác các mỏ khí Báo Vàng, Kèn Bầu...

- Huy động các nguồn lực đầu tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng Khu kinh tế Đông Nam, xây dựng Khu kinh tế - thương mại đặc biệt Lao Bảo trở thành Khu kinh tế thương mại xuyên biên giới chung. Phát triển các trung tâm dịch vụ logistics gắn với các cảng biển, cảng hàng không và cửa khẩu. Phát triển mạnh dịch vụ du lịch, tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các ngành và lĩnh vực khác.

- Tiếp tục tái cơ cấu nông - lâm nghiệp - thủy sản theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, gắn với công nghiệp chế biến; phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, có khả năng chống chịu cao với thời tiết cực đoan, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế rừng và kinh tế dưới tán rừng; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ và đầu tư hạ tầng cho nông nghiệp, nông thôn. Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, xây dựng nông thôn mới gắn với đô thị hóa.

- Đẩy mạnh thu hút tối đa nguồn lực đầu tư, đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực, nhất là các nguồn nước ngoài từ (i) các nhà đầu tư chiến lược FDI, đầu tư vào các ngành công nghiệp như điện khí, công nghiệp chế biến, chế tạo, ngành dịch vụ logistics và du lịch; (ii) nguồn vốn ODA: tập trung vào phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình lớn về giao thông, cấp thoát nước, nước sạch vệ sinh môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

4. Tập trung phát triển mạnh hệ thống đô thị, nhất là hệ thống đô thị ven biển; đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông

- Phát triển hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại theo mô hình, tiêu chí tăng trưởng xanh, đô thị thông minh, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, kết nối trong nước và quốc tế. Phát triển mạng lưới đô thị gắn với phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, các trung tâm thương mại, dịch vụ của tỉnh, của Vùng và các nước trên Hành lang kinh tế Đông - Tây. Xây dựng, phát triển tam giác du lịch biển đảo, du lịch sinh thái Cửa Tùng - Cửa Việt - đảo Cồn Cỏ.

- Huy động, đa dạng hóa mọi nguồn lực để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, bảo đảm sự kết nối hiệu quả các khu kinh tế, đô thị với các cảng hàng không, cảng biển, kết nối giao thông trong tỉnh, liên Vùng và quốc tế. Tập trung làm tốt công tác giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án giao thông trọng điểm Bắc - Nam đi qua địa bàn tỉnh. Kêu gọi đầu tư các tuyến cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo, Quốc lộ 15D nối cửa khẩu quốc tế La Lay - cảng Mỹ Thủy theo hình thức đối tác công tư; huy động nguồn lực để xây dựng các tuyến đường tránh phía Đông, phía Tây thành phố Đông Hà, tuyến đường sắt kết nối các cửa khẩu quốc tế, cảng Mỹ Thủy; hoàn thành xây dựng đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông - Tây; nâng cấp, mở rộng các tuyến đường từ Quốc lộ 1A đến cảng Cửa Việt, các trục đường kết nối khu kinh tế Đông Nam. Huy động đầu tư xây dựng cảng biển Mỹ Thủy, bến cảng Vịnh Mốc; cải tạo, nâng cấp cảng Cửa Việt; mở rộng không gian phát triển đảo Cồn Cỏ. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư xây dựng cảng hàng không Quảng Trị.

- Hoàn thiện quy hoạch và đầu tư phát triển hạ tầng giáo dục; hiện đại hóa các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện. Đầu tư một số trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trung tâm khoa học - công nghệ, đào tạo, chăm sóc sức khỏe... Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, đầu tư nâng cấp đồng bộ các thiết chế văn hóa, nhất là phát huy giá trị các di tích văn hóa, lịch sử tiêu biểu của tỉnh.

5. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; nâng cao khả năng ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

- Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ tài nguyên, môi trường. Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên; lựa chọn quy trình, loại hình công nghệ sử dụng trong sản xuất phù hợp; tập trung giải quyết vấn đề rác thải, nước thải khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị, nông thôn; các điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Tăng cường quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường, nhất là tài nguyên biển, đảo và rừng, bảo vệ môi trường biển; quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển; quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ của tỉnh.

- Tăng cường quản lý và phát triển bền vững tài nguyên rừng, giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, góp phần bảo vệ đa dạng sinh học, các hệ sinh thái tự nhiên. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai; phát triển mạng lưới quan trắc môi trường tự động. Tăng cường năng lực dự báo, xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Bảo vệ nguồn tài nguyên nước, phân bổ và sử dụng nguồn nước hợp lý; thực hiện bảo vệ đa dạng sinh học, không phá vỡ cân bằng tự nhiên.

6. Phát triển toàn diện văn hóa - xã hội

- Đổi mới quản lý giáo dục theo hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục; xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. củng cố mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo theo hướng hệ thống giáo dục mở, đặc biệt là các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc và đối tượng chính sách xã hội. Đẩy mạnh xã hội hóa và nâng cao hiệu quả đầu tư; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực số.

- Tiếp tục phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, phát huy vai trò hệ thống các điểm không gian khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tạo lập và mở rộng thị trường đối với các sản phẩm chủ lực của địa phương. Tăng cường đầu tư và phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ theo hướng hiện đại; thực hiện xã hội hóa một số hoạt động khoa học và công nghệ, có chính sách thu hút đầu tư xã hội cho khoa học và công nghệ, nhất là từ các doanh nghiệp. Tăng cường chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến vào sản xuất. Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp xác lập quyền sở

hữu tài sản trí tuệ. Đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật.

- Thực hiện đồng bộ 03 chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn mới; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi người có công và trợ giúp xã hội, bảo đảm an sinh xã hội.

- Hoàn thiện mạng lưới y tế, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến, đặc biệt là tuyến cơ sở. Xây dựng hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật đồng bộ, đủ năng lực dự báo, kiểm soát bệnh tật. Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế cấp xã.

- Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản lịch sử, văn hóa vật thể, phi vật thể, danh lam thắng cảnh và di sản thiên nhiên, nhất là các di sản quốc gia đặc biệt trên địa bàn tỉnh; lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận các di sản thế giới đối với di tích địa đạo Vịnh Mốc và hệ thống làng hầm Vĩnh Linh, hệ thống giếng cổ Gio An. Đầu tư, nâng cấp mạng lưới thiết chế văn hóa và thể dục, thể thao.

7. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển, đảo; đầu tư, nâng cao năng lực phòng thủ đảo Cồn Cỏ. Thực hiện tốt công tác quản lý biên giới theo các văn kiện đã được ký kết với nước bạn Lào.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh và trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối về kết hợp giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công tác vận động quần chúng trong giải quyết các vấn đề phức tạp nảy sinh; phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, ngăn chặn kịp thời hành vi lợi dụng dân tộc, tôn giáo xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

- Chủ động khai thác hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và các khung khổ hội nhập để phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh hợp tác kinh tế, vận động và thu hút các nguồn vốn đầu tư, viện trợ phát triển chính thức và vốn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài; tăng cường hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với địa phương các nước trên thế giới, nhất là với các nước tiểu vùng sông Mê Kông, ASEAN; đẩy mạnh hợp tác kinh tế qua các cửa khẩu trong vùng gắn với Hành lang kinh tế Đông - Tây. Triển khai xây dựng Khu kinh tế - thương mại xuyên biên giới chung Lao Bảo - Đensavăn đã được Bộ Chính trị và Chính phủ hai

nước Việt Nam, Lào thống nhất chủ trương. Phần đầu đến cuối năm 2024 đưa Khu kinh tế thương mại xuyên biên giới chung Lao Bảo - Đensavan đi vào hoạt động.

8. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân

- Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ ở các cấp theo Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 và Kế hoạch số 03-KH/TW ngày 01/12/2021 của Bộ Chính trị thực hiện Kết luận số 21-KL/TW gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” và các Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW khóa XII nhằm thực hiện có hiệu quả các chủ trương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác dân vận; quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp. Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng thiết thực, hướng mạnh về cơ sở, đi sâu vào từng đối tượng, đa dạng các hình thức.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu Ủy ban nhân dân các cấp và thủ trưởng các sở, ban, ngành trong quản lý, điều hành, tham mưu, đề xuất, thực thi nhiệm vụ. Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp quán triệt Nghị quyết 26-NQ/TW và Chương trình hành động này đến tận cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong quần chúng nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện.

2. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, bổ sung, điều chỉnh và ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp để triển khai thực hiện;

tăng cường giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW và Chương trình hành động này.

3. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch, đề án, bố trí nguồn lực để triển khai Chương trình hành động; định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết 26-NQ/TW và Chương trình hành động này; định kỳ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị (để báo cáo),
- Ban Bí thư TW Đảng (để báo cáo),
- Ban Kinh tế Trung ương,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Vụ địa phương tại Đà Nẵng,
- Đảng ủy Quân khu 4,
- Các tỉnh thuộc vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
- Các ban đảng và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đ/c Tỉnh ủy viên,
- Lưu: Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Lê Quang Tùng